

# SỰ BIẾN ĐỔI VỀ CƠ CẤU GIAI CẤP TRONG XÃ HỘI INĐÔNÊXIA TỪ NĂM 1816 ĐẾN 1942

## THE CHANGES IN SOCIAL CLASS STRUCTURE OF INDONESIA FROM 1816 TO 1942

*Nguyễn Thị Tùng*

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng*

### TÓM TẮT

Dưới tác động của chủ nghĩa thực dân, Inđônêxia từ một nước phong kiến độc lập đã biến thành một nước thuộc địa, nền chính trị xã hội phụ thuộc hoàn toàn vào bọn thực dân. Bộ máy chính quyền cai trị của người bản xứ đã bị vô hiệu hóa, tất cả mọi hoạt động trên các lĩnh vực đều bị chi phối bởi chính quyền thực dân. Một trong những chuyển biến rõ nét nhất về mặt xã hội ở Inđônêxia đó là sự biến đổi trong cơ cấu giai cấp xã hội. Điều đó có nghĩa là đồng thời với sự chuyển biến của những giai cấp cũ (nông dân và địa chủ) là sự xuất hiện của những giai cấp mới (công nhân, tư sản, tiểu tư sản và địa chủ phong kiến).

**Từ khóa:** Inđônêxia, giai cấp, cơ cấu giai cấp, biến đổi cơ cấu giai cấp.

### ABSTRACT

Under the impact of colonialism, from an independent feudal country, Indonesia became a colony whose politics as well as society depended entirely on the colonialists. The administration of the native people was completely disabled; activities in all of the fields were dominated by the colonial government. One of the most obvious social changes in Indonesia is the social class structure. That means together with the transformation of the old classes (farmers and landowners), there was the emergence of new classes (modern workers, bourgeois petty bourgeois and feudal land holders).

**Key words:** Indonesia, social class, class structure, changes in class structure

### 1. Đặt vấn đề

Inđônêxia là quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á có số dân đứng hàng thứ tư trên thế giới (trên 220 triệu người theo số liệu năm 2004), với nhiều tộc người khác nhau. Thiên nhiên đã ưu đãi cho quốc đảo này nguồn tài nguyên vô cùng phong phú và đa dạng. Inđônêxia có vị trí chiến lược thuận lợi nằm án ngữ trên con đường hàng hải quốc tế, nên sớm trở thành cầu nối đại dương cho sự giao lưu giữa các nền văn minh Phương Đông và Phương Tây. Chính vì vậy mà quốc đảo này trở thành điểm nhòm ngó và tranh chấp của bọn thực dân Phương Tây trong công cuộc kiếm tìm thuộc địa của mình. Cũng như phần lớn các nước khác ở Đông Nam Á, Inđônêxia bị thực dân Phương Tây xâm lược, thống trị trong suốt thời kì dài từ năm 1816 đến năm 1942.

Dưới tác động của chủ nghĩa thực dân, tình hình kinh tế - xã hội Inđônêxia đã có sự chuyển

biến một cách sâu sắc về mọi mặt. Với bản chất độc ác và dã man, các nước thực dân đã thi hành nhiều chính sách khai thác, cai trị và bóc lột hết sức tàn bạo đến tận xương tuỷ. Chúng không ngừng vơ vét nguyên liệu, bóc lột sức lao động của người dân Inđônêxia, thu mua hương liệu và gia vị với giá rẻ nhằm phục vụ cho sự phát triển của chính quốc, biến Inđônêxia trở thành nền kinh tế thuộc địa. Từ xuất phát điểm như vậy, chúng tôi tái dựng lại bức tranh xã hội Inđônêxia trong giai đoạn này nhằm góp phần nhận thức sâu sắc hơn về bản chất của chủ nghĩa thực dân, cũng như cuộc đấu tranh chống chế độ áp bức bóc lột của nhân dân Inđônêxia.

Sự xâm nhập của CNTB vào Inđônêxia đồng thời với việc làm biến đổi nền kinh tế Inđônêxia thì nó cũng làm cho tình hình chính trị - xã hội Inđônêxia có nhiều thay đổi. Trong xã hội, cơ cấu giai cấp đã có sự thay đổi một cách rõ rệt.

Nếu như trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp đối với Việt Nam bên cạnh sự phân hóa của các tầng lớp, giai cấp cũ thì các tầng lớp giai cấp mới cũng hình thành thì ở Ấn Độ cũng vậy, sự xâm nhập của chủ nghĩa đế quốc thực dân đã dẫn đến sự chuyển biến trong giai cấp nông dân, công nhân, tư sản, tiểu tư sản,...

## 2. Nội dung

### 2.1. Sự biến đổi trong cơ cấu giai cấp xã hội

#### 2.1.1. Biến đổi trong giai cấp địa chủ và nông dân

Ở các nước thuộc địa, cùng với sự du nhập của phương thức sản xuất TBCN, vai trò của tầng lớp kinh doanh công thương nghiệp ngày càng được khẳng định. Để thích ứng với điều kiện mới, từ rất sớm một bộ phận trong giai cấp địa chủ đã tích cực góp vốn vào những việc buôn bán có lợi nhất. Tiếp đó, họ còn mở rộng hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác, bỏ những số tiền lớn ngoài sản xuất nông nghiệp vào công, thương nghiệp và vận tải ở thành thị rồi chuyển thành những nhà tư sản. Do đặc điểm của xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, những đại biểu thuộc thành phần địa chủ lớn thường là những người sáng lập các hãng và công ty lớn nhất, đặc biệt là trong công nghiệp khai thác dầu mỏ. Đồng thời, đa số tư sản xuất thân từ địa chủ đều không muốn từ bỏ hoàn toàn thành phần gốc rễ của mình, mà thường cố giữ lấy một phần ruộng đất để phát canh thu tô. Ngoài ra, nhiều nhà kinh doanh công thương nghiệp mới phát lên, trước sự chèn ép của tư bản nước ngoài và nhà nước phong kiến cũng đã mua một số ruộng đất cho phát canh, kể cả một số Hoa kiều mua ruộng đất cũng biến thành những địa chủ cho nông dân thuê đất. Chỉ chiếm một lượng nhỏ không quá 10% dân số, nhưng giai cấp địa chủ lại nắm trong tay số lượng ruộng đất của cải lớn trong xã hội, với khoảng 1/2 diện tích canh tác.

Với số lượng diện tích đất đai nằm trong tay, giai cấp địa chủ phong kiến đã bóc lột nhân dân bằng cách cho tầng lớp bản cổ nông canh tác ruộng đất và thu tô (có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật). Với sự nâng đỡ của bọn thực dân, các hoạt động của địa chủ ngày càng được đẩy mạnh. Lực lượng này ngày càng trở nên giàu có nắm

thế rất lớn trong kinh tế nông thôn, tầng lớp bản cổ nông phụ thuộc hoàn toàn vào giai cấp này. Địa chủ còn được nắm hầu hết các chức vụ ở hương thôn, không ngừng bóc lột nhân dân. Không những thế, “CNTB cũng đã làm cho địa chủ mất dần cái đầu óc tập quyền và gia trưởng và đem thay bằng tính háms lợi rất dữ tợn” [7; 231]. Điều này được thể hiện rõ nét ở các vùng nông nghiệp hàng hoá phát triển. Ở đó, những địa chủ gắn liền với nền kinh tế tự nhiên, những người thu tô mà các nhà nghiên cứu kinh tế nông nghiệp Ấn Độ thường gọi là “địa chủ kiểu cũ” đã hầu như bị những người gọi là “địa chủ kiểu mới”, địa chủ gắn liền với thị trường, địa chủ - thương nhân lấn át. Họ phát canh ruộng đất, rồi buộc tá điền trồng trọt những thứ cây mà thị trường có nhu cầu và việc buôn bán có thể đem lại lợi nhuận nhiều nhất.

Sự phân hoá một bộ phận địa chủ cũ, sự xuất hiện và gia tăng tầng lớp địa chủ mới, việc chuyển đổi theo hướng kinh doanh của địa chủ ở một số vùng ... đã khẳng định quá trình tiến hoá một phần giai cấp địa chủ. Trong điều kiện của xã hội Ấn Độ lúc đó, giai cấp này cùng với nhà nước phong kiến đã cấu kết chặt chẽ với đế quốc thực dân để bóc lột. Như vậy, giai cấp nông dân không chỉ bị địa chủ và quan lại phong kiến bóc lột, mà sự xâm nhập mới của chủ nghĩa tư bản nước ngoài còn đè nặng hơn ách áp bức bóc lột đó, dồn đẩy nhân dân Ấn Độ vào cảnh đau khổ lầm than.

Giai cấp nông dân là lực lượng chiếm đại đa số trong xã hội Ấn Độ, chiếm tới 95% dân số vào cuối thế kỷ XIX, 90% dân số vào đầu thế kỷ XX. Dưới tác động của chủ nghĩa thực dân, cùng với quá trình phân hóa nông thôn diễn ra từ trước đó đã làm cho giai cấp nông dân bị phân hóa thành những tầng lớp khác nhau: tầng lớp phú nông, tầng lớp trung nông và tầng lớp bản cổ nông. Tầng lớp phú nông đại diện cho thành phần kinh tế TBCN ở nông thôn Ấn Độ. Họ có nguồn gốc là những người nông dân bình thường nhưng lại nhạy bén trong quá trình sản xuất với sự xâm nhập của quan hệ hàng hóa - tiền tệ và phương thức sản xuất mới, nhờ biết cách làm ăn mà họ trở nên giàu có. Họ chỉ

chiếm một số lượng rất nhỏ nhưng có thể lực kinh tế và vị trí đáng kể trong nông thôn Ấn Độ; một số trong tầng lớp này có tinh thần dân tộc sâu sắc. Tầng lớp trung nông bao gồm những người nông dân được sở hữu một số ruộng đất tương đối để sản xuất làm ăn nuôi sống bản thân chứ không phải đi làm thuê. Bộ phận còn lại trong giai cấp nông dân là tầng lớp bần cố nông; đây là bộ phận chiếm số đông đảo nhất và chịu nhiều thiệt thòi nhất trong xã hội. Họ thường có rất ít hoặc không có ruộng đất trong tay, phải đi làm thuê cuốc mướn, hoặc mướn ruộng của địa chủ, sản xuất và chịu thuế. Chính sách của chính phủ Hà Lan buộc người nông dân phải giao nộp từ 1/5 đến 2/3 ruộng đất cho chính quyền thực dân để làm đồn điền, nên cuộc sống của họ ngày càng khốn khó. Và lại, thời gian lao động để làm cho mình, có nơi chỉ được vài ngày trong tuần lễ, vì thời gian lao động không công cho nhà nước thực dân dần tăng lên 60 - 70 ngày đến 240 ngày/1 năm; đó là chưa kể thời gian vận tải không công đến kho nhà nước, có khi phải đi đến hàng trăm cây số, và thời gian sưu dịch làm trên công trường xây đắp đường, cầu cống, hải cảng, kho hàng, sửa sang thành phần công sự và pháo đài... trong điều kiện lao động vô cùng nặng nhọc, đến nỗi có lúc lệnh đi làm phải mang theo sẵn vải bọc thi hài [8; 126]. Người nông dân phải chịu đến 34 thứ thuế khác nhau “*các thuế khóa cứ ngày càng trở nên nặng nề và làm phá sản nhiều hơn, thế mà ngoài các thuế cũ đó ra lại còn thêm những thuế mới*” [6; 543]. Cuộc sống của họ nặng nề hơn cả ở những quốc gia “tự trị” và miền đất riêng (đó là những vùng đất bán cho bọn tư sản tư nhân châu Âu và Hoa kiều thế kỷ XIX), mặc dù ở những vùng này nông dân phải chịu ách bóc lột phong kiến và nửa phong kiến kết hợp với sự bóc lột của các công ty thuê đất châu Âu. Năm 1904 - 1920, ở Giava mức thuế đất trung bình chiếm 13% thu nhập mùa màng, còn ở các vùng khác sưu thuế đánh vào đầu người chiếm 12% thu nhập [8; 127]. Mặc dù chính quyền thuộc địa và các liên đoàn đồn điền chủ yếu muốn bảo vệ vị trí của bọn phong kiến và những luật lệ lạc hậu ở các công xã, nhưng bóc lột đế quốc vẫn tạo điều kiện cho mối quan hệ tư bản của Ấn Độ nói chung và ở nông nghiệp

nói riêng phát triển. Đầu thế kỷ XX với sự phát triển của mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ diện tích đất công xã ngày càng thu hẹp và chuyển thành đất dưới quyền sở hữu của tư nhân. Năm 1882, ở Giava diện tích đất trong tay tư nhân là 50%, năm 1932 là 80% [8; 129]. Sự thâm nhập vào nông thôn của tư bản ngoại quốc, mối quan hệ tiền tệ và hàng hóa châu Âu đã làm tăng nhanh quá trình bản địa hóa nông dân. Giữa những năm 20 của thế kỷ XX, số dân không có ruộng (cố nông, cu-li, cây rế) chiếm 35% nông dân Ấn Độ và cùng với dân nghèo chiếm 60%. Trong đó thu nhập hàng năm của địa chủ hơn gấp 7 lần thu nhập của dân nghèo. Mức sống quá thấp của dân nghèo đã tạo điều kiện tốt cho sự bóc lột dã man của tư bản thương mại và tiểu công nghiệp. Phát triển mối quan hệ hàng hóa - tiền tệ ở Ấn Độ kết hợp với các hình thức bóc lột trước tư bản đã tạo thành một quá trình vô cùng phức tạp và vô cùng nặng nề đối với phần lớn nông dân.

Có thể thấy rằng do tác động của quan hệ hàng hóa - tiền tệ và tư bản chủ nghĩa, giai cấp nông dân đã phân hóa thành những tầng lớp khác nhau nhưng nói chung đa số nông dân đều có cuộc sống cực khổ. Trước đây, họ chỉ phải chịu sự áp bức của bọn phong kiến bản địa, nay phải gánh trên mình hai tầng áp bức của phong kiến và thực dân. Có thể thấy ở giai đoạn này tính ổn định của cư dân nông nghiệp Ấn Độ đã bị phá vỡ.

#### 2.1.2. Sự ra đời và phát triển của giai cấp tư sản và tiểu tư sản

Cũng dưới tác động của chủ nghĩa thực dân, giống như ở các nước Đông Nam Á khác, ở Ấn Độ đã xuất hiện giai cấp tư sản và ngay từ khi mới ra đời nó đã phân hóa thành hai bộ phận: tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

Tư sản mại bản có quyền lợi gắn liền với đế quốc thực dân. Bọn thực dân Phương Tây một mặt không thể không du nhập CNTB vào Ấn Độ, mặt khác lại ra sức duy trì sự thống trị của bọn địa chủ phong kiến ở đây, tạo nên một số lớn những nhà mại bản để phục vụ cho việc tiêu thụ hàng hóa và vơ vét nguyên liệu của chúng: “*Bản thân sống ăn bám và tiến hành bóc lột, chủ nghĩa tư bản*

*ngoại quốc làm nảy nở những kẻ ăn bám khác để phục vụ cho mình: bọn mới lái, bọn quan liêu, bọn áp phe”* [7; 378]. Thành phần của nó chủ yếu là thuộc tư bản Hoa kiều và một bộ phận xuất thân từ bọn địa chủ quan lại phong kiến. Tư sản mại bản ở Indônêxia trở thành tay sai đắc lực của bọn thực dân trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa ... Vì vậy, bọn đế quốc thực dân rất chú ý để phát triển lực lượng này nhằm phục vụ cho quyền lợi của chúng. Chính vì được hưởng những đặc quyền thực dân nên những nhà mại bản có thể lực kinh tế rất lớn và cả địa vị chính trị.

Từ cuối thế kỷ XIX, hàng ngũ giai cấp tư sản dân tộc Indônêxia đã hình thành nhưng rất yếu (có thể yếu hơn so với tư sản dân tộc ở các thuộc địa khác), bởi vì ngoài sức ép của tư sản châu Âu họ còn phải chịu sự cạnh tranh của tư sản Hoa kiều. Họ bị sự chèn ép của bọn phong kiến trong nước và tư bản nước ngoài trong quá trình sản xuất kinh doanh nên ít nhiều họ vẫn có tinh thần dân tộc muốn đấu tranh chống thực dân phong kiến. Giai cấp tư sản dân tộc ở Indônêxia chỉ được phép hoạt động trong một phạm vi hạn chế trong các ngành như: đan chiếu, rổ rá, vải hoa bantic, thuốc điều cosotech, đồ gốm sứ... và chỉ được lập ra các xưởng công nghiệp, xí nghiệp sản xuất quy mô nhỏ. Họ có thể lực kinh tế nhưng ít được đầu tư vào sản xuất trong nước. Họ có nhiều bộ phận khác nhau nhưng chủ yếu là thường xuất thân từ các tầng lớp trên trong xã hội, như một số quan lại địa chủ và thương nhân lớn có địa vị chính trị và thế lực kinh tế, bỏ vốn ra kinh doanh công nghiệp và trở thành tầng lớp trên của giai cấp tư sản. Hay từ các chủ xưởng công trường thủ công, tiểu chủ, tiểu thương do thức thời biết cách buôn bán kinh doanh mà thành, bản thân họ ít nhiều có mối quan hệ kinh tế, thân thuộc với bọn phong kiến, đế quốc, được sống trong điều kiện vật chất và văn hóa khác hơn nhiều những giai cấp tầng lớp khác trong xã hội nên giai cấp này đã nhanh chóng nắm lấy những tư tưởng mới và sớm bước vào hoạt động chính trị. Tuy nhiên, do nguồn gốc xuất thân và quyền lợi giai cấp họ thường có tinh thần không triệt để, dễ thỏa hiệp. Khi bị chèn ép thì vùng lên đấu tranh nhưng khi chính quyền phong kiến và đế quốc có

chút thay đổi, cải cách thì giai cấp này sẵn sàng bắt tay từ bỏ. Nhưng dấu sao: “*giai cấp tư sản dân tộc vẫn đóng một vai trò nhất định trong phong trào giải phóng dân tộc*” [5; 162] và thành phần cấp tiến nhất trong giai cấp tư sản là những phần tử trí thức.

Đi đôi với sự phát triển quan hệ sản xuất TBCN, địa vị kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản dân tộc Indônêxia ngày càng được củng cố, ảnh hưởng của nó ngày càng lớn. Quá trình phát triển của giai cấp này cũng là quá trình họ vươn lên nắm quyền lãnh đạo cuộc cách mạng để giải phóng dân tộc và giành lại độc lập dân tộc giai đoạn sau này.

Cùng với giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản cũng từng bước ra đời và phát triển. Họ bao gồm một số nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ, chủ yếu là các thương gia Indônêxia, thợ thủ công và cuối cùng là giới trí thức học sinh. Địa bàn chủ yếu là ở thành thị và những vùng duyên hải phát triển. Cùng với quá trình phát triển về kinh tế - xã hội, tầng lớp này lớn mạnh và tăng nhanh về số lượng. Thường được đào tạo trong hệ thống giáo dục tư sản nên tư tưởng của họ thường gắn liền với tư tưởng tư sản, khi có những luồng tư tưởng mới họ cũng nhanh chóng tiếp thu.

Nói chung, tình hình của giai cấp tiểu tư sản tuy có khá hơn công nông, nhưng luôn bị chèn ép, áp bức và lại bấp bênh về kinh tế. “*Người tiểu sở hữu dễ có nguy cơ bị người sở hữu lớn nuốt chửng nhiều hơn là tự bản thân người tiểu sở hữu biến thành người sở hữu lớn. Vì vậy, nhóm người này tự tán thành bột và ngày càng bị nghiền nhỏ thành bụi*” [7; 389]. Phần lớn trong số họ đều xót xa trước thực trạng của đất nước nên có tinh thần cách mạng khá cao. Chính tầng lớp này là biểu hiện của ý thức dân tộc đang được hình thành ở Indônêxia.

### 2.1.3. Sự ra đời và phát triển của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân Indônêxia được xem là sản phẩm trực tiếp - là con đẻ của chủ nghĩa thực dân. Nghĩa là nó ra đời cùng với sự có mặt của tư bản và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Indônêxia. Giai cấp công nhân ở Indônêxia hình

thành trước giai cấp tư sản dân tộc. Giai cấp công nhân xuất hiện ngay từ thời thực dân Hà Lan thực hiện chế độ “cưỡng bức trồng trọt” và khi các đồn điền cây công nghiệp ra đời.

Vào năm 1840, ở Indônêxia có khoảng 20 vạn công nhân làm trong 749 xưởng chằm. Cùng với quá trình phát triển sản xuất đồn điền mở ra càng nhiều, đội ngũ công nhân ngày càng tăng. Đến khoảng đầu thế kỷ XX, số lượng công nhân ở Indônêxia tăng nhanh bởi số lượng các đồn điền khai thác ngày càng nhiều [4; 438]. Năm 1914, tư bản Hà Lan và các nước châu Âu đã lập ra 24.000 đồn điền, chiếm 1/4 diện tích đất đai trồng trọt trong cả nước. Tổng số công nhân trong các đồn điền khoáng sản, các xưởng chế biến nông sản, tiểu thủ công đã tăng lên đến 2,3 triệu. Đến thời kì 1938 – 1940, tổng số công nhân trong các đồn điền công xưởng của Indônêxia là 5 triệu [4; 438, 439]. Đa số công nhân phân bố ở khu vực đảo Giava - nơi tập trung nhiều ngành sản xuất lớn, đồn điền công nghiệp. Phần lớn giai cấp công nhân Indônêxia đều xuất thân từ nông dân và thợ thủ công bị phá sản. Họ không có việc làm, phải bỏ quê hương đi làm thuê ở các đồn điền xí nghiệp của bọn thực dân và vô hình trung họ trở thành giai cấp công nhân. Giai cấp này còn phải chịu hai tầng áp bức của bọn lãnh chúa phong kiến chủ xưởng và bọn đế quốc thực dân.

Giai cấp công nhân ở Indônêxia thường phải làm việc trong những điều kiện lao động hết sức nặng nhọc không đảm bảo an toàn cũng như điều kiện vệ sinh phòng bệnh, nhất là ở các đồn điền. Ngày làm việc của họ từ 12 đến 16 giờ với đồng lương vô cùng rẻ mạt (lương công nhân Indônêxia không bằng 1/7, thậm chí 1/15 lương của một công nhân ở các nước tư bản Âu Mỹ). Công nhân làm việc trong các mỏ thiếc và đồn điền, tiền công chỉ từ 10 xu đến 15 xu mỗi ngày. Họ đồng lao động kí 3 năm nhưng vì tiền phạt và tiền nợ lãi chòng chát họ phải chịu thân phận vô sản suốt đời [8; 129].

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã làm ảnh hưởng lớn đến đời sống những người công nhân ở Indônêxia. Chính quyền thuộc địa giảm

lương công nhân và giảm trợ cấp cho các xí nghiệp quốc gia, các công sở, cắt một nửa kinh phí bảo hiểm xã hội và giáo dục; tăng thêm số giờ làm (từ 12 đến 14 giờ/1 ngày lên 16 giờ/1 ngày) và giảm chi phí cho điều kiện lao động của công nhân. Nạn thất nghiệp tăng khủng khiếp, đặc biệt ở những vùng trồng mía đường ở Giava có đến 80% công nhân xí nghiệp đường bị mất việc. Nạn thất nghiệp càng tăng nhiều hơn trong những năm 1930 - 1933 khi hơn 150 nghìn culi Giava bị các chủ đồn điền ở Sumatora và các đảo khác thải hồi trở về quê hương [4; 343]. Việc giảm giá các sản phẩm xuất khẩu và lương thực đã đánh một đòn nặng nề vào người công nhân. Ở nhiều vùng nạn đói kéo dài triền miên.

Giai cấp công nhân ở Indônêxia là không cố định, như năm 1938 ở Giava trong các xưởng sản xuất có 53.148 công nhân thì chỉ có 1/4 trong số đó là cố định, còn lại là công nhân mùa vụ [8; 130]. Họ còn gắn liền với nông thôn, họ vào xưởng lúc nông nhàn, và trở về nông thôn phụ giúp gia đình lúc bắt đầu mùa màng. Có khi sáng đi vào làm việc trong công xưởng hoặc đồn điền tối trở về nông thôn. Khi trở về nông thôn họ mang theo những tư tưởng mới, góp phần mở rộng tầm nhìn và khơi dậy ý thức về vai trò của mình đối với những người nông dân. Họ đã trở thành cầu nối bền chặt giữa công nhân và nông dân. Bên cạnh, đó giai cấp công nhân Indônêxia còn mang một đặc điểm nữa là họ không sống tập trung, mà sống ở cách xa nhau. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, trong số 239 xưởng với tổng số công nhân là 50.168 người thì chỉ có một xưởng thuốc lá của người Hà Lan ở Giava tập trung 12.000 người [8; 130]. Còn lại họ không có điều kiện tiếp xúc với nhau. Họ ở các đảo xa nhau như công trường khai thác dầu hỏa, chế biến dầu hỏa ở ba đảo khác nhau: Calimanta, Sumatora, Giava. Sự cách trở về địa lý đã làm cho họ khó có thể đoàn kết một cách chặt chẽ. Tuy nhiên, điều kiện lao động, hoàn cảnh sống giống nhau đã làm cho giai cấp công nhân gần gũi nhau hơn. Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân bắt đầu tiếp thu những luồng tư tưởng mới, nó đã đi sâu và khơi dậy nhiệt tình cách mạng của giai cấp này.

Tuy nhiên, giai cấp công nhân Ấn Độ còn có những hạn chế không thể tránh khỏi: số lượng chưa lớn; trình độ văn hóa còn thấp (so với giai cấp tư sản trong nước); nhiều người còn giữ những tư tưởng mang tính chất tiểu nông. Tuy vậy, những ưu điểm nêu trên là rất đáng kể, nó đã thành động lực căn bản quy định tính cách mạng và sức mạnh to lớn của giai cấp này một khi họ nhận thức được sứ mệnh lịch sử to lớn của mình.

Như vậy, có thể khẳng định rằng: dưới ách thống trị, bóc lột của chủ nghĩa thực dân, xã hội Ấn Độ có nhiều biến đổi khác trước, nhất là ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thì sự biến đổi ấy diễn ra ngày càng mạnh mẽ và sâu sắc hơn. Cùng với sự phân hóa của các giai cấp cũ trong xã hội là sự xuất hiện các tầng lớp, giai cấp mới đại diện cho phương thức sản xuất mới được xác lập ở Ấn Độ. Sự biến đổi này của lực lượng sản xuất suy cho cùng cũng là để phù hợp với tính chất và sự thay đổi của quan hệ sản xuất đã được hình thành ở Ấn Độ.

### 3. Kết luận

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, bức tranh kinh tế Ấn Độ đã có những nét mới. Nó

diễn ra trên cơ sở của xã hội Ấn Độ chịu sự thống trị của chủ nghĩa thực dân Phương Tây làm phá vỡ các thiết chế cũ của xã hội truyền thống. Xã hội có những biến chuyển lớn lao cũng đã làm cho mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp ngày càng trở nên gay gắt. Trong bối cảnh chung của Ấn Độ cũng như kết cấu giai cấp xã hội lúc đó, đứng trên tuyến đầu cứu nguy cho tổ quốc và dân tộc chính là những phân tử ưu tú của giai cấp tư sản dân tộc. Thông qua các cuộc đấu tranh trong thời kì đầu, giai cấp công nhân cũng dần dần khẳng định vai trò của mình. Và sự thật họ là lực lượng tiên phong cùng giai cấp tư sản dân tộc xóa bỏ những mặt phản động, kìm hãm của chủ nghĩa thực dân (một nhiệm vụ trọng yếu của cuộc cách mạng dân tộc ở Đảng Dân tộc Ấn Độ lãnh đạo). Như vậy, xã hội Ấn Độ đã có sự vận động và phát triển. Nó phù hợp với nhận định của C. Mác, mỗi bước tiến bộ, mỗi một thay đổi của xã hội thuộc địa và phụ thuộc đều “*phải đi theo con đường gian khổ của máu và bùn, của nghèo nàn và sỉ nhục*” [6; 567].

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jean Bruhat (1976), *Lịch sử Ấn Độ*, Nxb ĐH Pháp.
- [2] Ngô Văn Doanh (1995), *Ấn Độ những chặng đường lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia HN.
- [3] Nguyễn Trọng Định (1981), *Lược dịch cuốn Ấn Độ*, Pari.
- [4] D.G.E.Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb GD – HN.
- [5] V. I. Lê - nin (1963), *Toàn tập, tập 3*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [6] C. Mác và Ph. Ăngghen (1891), *Tuyển tập, tập 2*, Nxb Sự thật, HN.
- [7] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập, tập 2*, Nxb Chính trị Quốc gia, HN.
- [8] Viện Đông Nam Á (1983), *Ấn Độ đất nước và con người*.